

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Điền

2. Bà Quách Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 5/106, ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1988; cư trú tại: Canada (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2011 tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống với nhau khoảng 01 tháng tại thành phố Sóc Trăng thì anh B trở về Canada. Khi trở về Canada thì anh B làm thủ tục bảo lãnh chị sang Canada chung sống, nhưng chị phỏng vấn không đạt và từ năm 2012 đến nay, anh B không còn liên lạc và không về Việt Nam thăm chị. Nay tình cảm của chị và anh B không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Giữa chị và anh B không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng cho anh B để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và triệu tập anh B tham gia phiên họp hòa giải, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng cho đến nay anh B không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị A xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn chị A cư trú tại tỉnh Bạc Liêu khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh B có quốc tịch và đang cư trú tại Canada. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[2.2] Nguyên đơn chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Sau khi thụ lý vụ án, ngày 10/12/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu gửi công văn số 160/TAND – CV kèm theo hồ sơ ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Canada tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu anh B trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và triệu tập anh B tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hết thời hạn theo quy định của pháp luật nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu không nhận được hồ sơ tổng đạt cũng như ý kiến trình bày, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị A. Ngày 09/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tiến hành gửi Công văn số 315/TAND-CV cho Đại sứ quán

Việt Nam tại Canada thông qua dịch vụ bưu chính về việc đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada gửi văn bản thông báo về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho anh B. Ngày 18/10/2019 Đại sứ quán Việt Nam tại Canada đã nhận được công văn của Tòa án, nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu không nhận được thông báo trả lời về kết quả ủy thác của Đại sứ quán Việt Nam tại Canada. Căn cứ khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về nội dung vụ án: Chị A xác định chị và anh B tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03 tháng 3 năm 2011, vì vậy hôn nhân giữa chị A và anh B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống khoảng 01 tháng tại thành phố Sóc Trăng thì anh B trở về Canada. Khi trở về Canada thì anh B làm thủ tục bảo lãnh chị sang Canada chung sống, nhưng do chị A phỏng vấn không đạt và từ năm 2012 đến nay giữa anh B và Chị A không còn liên lạc với nhau. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn với anh B. Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*. Xét thấy, chị A và anh B không chung sống với nhau và không còn liên lạc với nhau từ năm 2012 đến nay là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị A xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung, vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56, 121, 122, 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A. Xử cho chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp:

3.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009736 ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

3.2. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu 949.486 đồng, chị A đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Trương Thanh Dũng